

Bản án số: 132/2020/DS-PT

Ngày 28/10/2020

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoài Bình.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Hồng Phil – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*”.

Do bản án sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ

Người đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn A**; Địa chỉ: khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

Bi đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn C**;
2. Bà **Lại Thị D**;
3. Anh **Nguyễn Lam Tr**;
4. Anh **Nguyễn Minh N**;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Bà D, ông Tr, ông N cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C theo văn bản ủy quyền ngày 20/08/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hồ Thị Lệ T**;
2. Bà **Nguyễn Thị H**;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ

3. Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Văn Đ**

Do có kháng cáo của: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 350m² loại đất T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000381 cấp ngày 04/12/1995, do bà đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T (cũ), nay là ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất do bà L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H năm 1990 nhưng đến năm 1995 thì bà mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên. Quá trình sử dụng ông Nguyễn Văn C nhiều lần lấn chiếm sử dụng một phần diện tích đất của bà L, nên bà L khởi kiện yêu cầu ông C cùng vợ con của ông C là bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N phải di dời tài sản trả lại diện tích đất lấn chiếm. Diện tích bị đơn lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế là 130,3 m² loại đất T nhưng có một phần diện tích thuộc hành lang lộ giới, sau khi trừ phần diện tích thuộc hành lang lộ giới thì phần diện tích lấn chiếm chỉ còn 50 m² nên bà L thay đổi chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm di dời tài sản trả lại diện tích lấn chiếm là 50 m² loại đất T.

Việc ông C lấn chiếm một phần diện tích đất của bà L thì bà L có trình báo với chính quyền địa phương nhưng không có lập thành văn bản nên bà L không cung cấp được cho Tòa án.

Đối với “Tờ sang nhượng” ngày 14/6/1991 bà L cung cấp cho Tòa án theo biên bản giao nhận chứng cứ ngày 05/9/2016 thì bà L không đồng ý với nội dung mua bán này giữa ông C và bà H, nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với “Tờ sang nhượng ” này. Việc ông Nguyễn Văn C rút yêu cầu phản tố thì bà L không có ý kiến.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N phải di dời tài sản trả lại diện tích đất lấn chiếm là 50 m² loại đất T, thuộc thửa 542, tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000381 cấp ngày 04/12/1995, do bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Bà L không đồng ý trả lại giá trị tài sản trên đất khi di dời tài sản cho các bị đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

Phần đất ông đang sử dụng là do ông nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị H vào năm 1992, theo “Tờ sang nhượng” lập ngày 12/8/1992, diện tích ngang 13m x dài 22m, khi nhận chuyển nhượng không đo đạc thực tế, không ai chứng kiến. Trong quá trình sử dụng do bà Nguyễn Thị L ở phía sau nhà ông không có đường đi nên ông C đổi phần đất diện tích ngang 1,6 m x dài 22m tính từ mí nhà của ông để đổi lấy phần diện tích phía sau nhà của ông ngang 1,6m x dài 13m, việc đổi đất giữa ông và bà L không lập thành văn bản cũng không ai biết.

Ông C thừa nhận chữ ký trong “Tờ Sang nhượng” lập ngày 14/01/1991 do bà L cung cấp cho Tòa án là chữ ký của ông và bà H. Ông C cho rằng “Tờ sang nhượng đất” lập ngày 14/6/1991 là lập sau “Tờ sang nhượng đất” ngày 12/8/1992 nhưng do ghi lùi ngày lại ngày trước đó. Theo ông C “Tờ sang nhượng đất” lập ngày 12/8/1992 là đúng. Thời điểm ông sang nhượng lại phần đất của bà H thì ông không biết phần đất đó là do bà Nguyễn Thị L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ biết phần đất của bà H nên đã nhận chuyển nhượng lại từ bà H. Ông không yêu cầu giải quyết đối với “Tờ sang nhượng” trên.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý trả lại phần diện tích đất tranh chấp do không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận buộc ông trả lại diện tích đất tranh chấp thì ông yêu cầu bà L phải trả lại giá trị tài sản có trên đất tranh chấp với số tiền 41.424.000 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo biên bản định giá lập ngày 23/5/2019.

Đối với yêu cầu phản tố: Ngày 13/6/2019 ông C có đơn rút lại yêu cầu phản tố, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hồ Thị Lệ T trình bày: Bà là con ruột của bà L, thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Bà Lại Thị D: thống nhất với lời trình bày của ông C không bổ sung gì thêm, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đồng ý trả lại diện tích 50 m² do không lấn chiếm.

Anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N có đại diện theo ủy quyền là ông C đều thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông C nói trên và đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp do không lấn chiếm.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án bà trình bày như sau: Bà có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C diện tích đất không nhớ kích thước bao nhiêu chỉ nhớ là bán cái hầm, khi chuyển nhượng không

đo đạc thực tế, khi sang nhượng có làm tờ sang nhượng đất viết tay ngày 14/6/1991. Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ bà để lại, đến khi chuyển nhượng cho ông C thì đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với giấy tay tờ sang nhượng ngày 12/8/1992 là giấy sau này ông C đưa cho bà ký lại do ông C nói với bà là giấy tay làm trước đây năm 1991 bị mất, thực tế bà chuyển nhượng đất cho ông C theo giấy tay tờ sang nhượng ngày 14/6/1991, bà đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt bà.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ có đại diện là ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Nguồn gốc thửa đất 542 nói trên trước đây là do bà Nguyễn Thị H kê khai đăng ký sổ mục kê lập năm 1989 – 1990, diện tích 784 m² (T). Được Ủy ban huyện T cũ cấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất. Năm 1995, bà H chuyển nhượng hết diện tích thửa đất này cho bà Nguyễn Thị L và ngày 04/12/1995 bà được cấp giấy chứng nhận quyền thửa đất đang tranh chấp nói trên, khi cấp giấy không đo đạc thực tế. Diện tích 350 m² ghi trên giấy chứng nhận của bà L không bao gồm diện tích thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà L là đúng đối tượng và theo qui định pháp luật.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện V hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N cùng có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản, trả lại phần diện tích đất tranh chấp là 50 m² loại đất ONT, thuộc thửa 542, tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000381 cấp ngày 04/12/1995 do bà Nguyễn Thị L đứng tên, cho bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L phải trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N số tiền là 41.424.000 đồng (Bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất ngang 1,6m x dài 22m = 35,5 m².

(Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định ngày 11/5/2018 và ngày 23/5/2019, biên bản định giá ngày 11/5/2018 và ngày 23/5/2019 do Tòa án lập và Bản trích đo địa chính số 119/2018 ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và

Môi trường thành phố Cần Thơ, để xác định phần đất tranh chấp, di dời và giao trả)

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm, cũng như quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 04/09/2019 nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo bị đơn. Vì đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng theo khoản 2 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đúng quy định, đã đúng đủ tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét và giải quyết.

[2] Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm tòa án đã có tổng đạt cho các đương sự đồng thời họ cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt những người này theo quy định tại điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Đối với đơn yêu cầu đo đạc, định giá diện tích đất của bị đơn ông Nguyễn Văn C. Hội đồng xét xử nhận thấy ở cấp sơ thẩm các đương sự đều thống nhất với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, định giá cấp sơ thẩm. Bị đơn không có kháng cáo, nguyên đơn cũng không kháng cáo về kết quả thẩm định. Hơn nữa qua xem xét hồ sơ cho thấy kết quả thẩm định ở cấp sơ thẩm đầy

đủ, khách quan đảm bảo yêu cầu giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không tiến hành đo đạc, thẩm định lại.

[4] Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N số tiền là 41.424.000 đồng do việc bị đơn xây dựng là trái phép không được sự đồng ý của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản trích đo địa chính ngày 12/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ thì phần diện tích thửa 542 hiện nay bà L đang sử dụng (chưa tính phần diện tích đang có tranh chấp) là 294.0 m². Tuy nhiên, theo diện tích trong giấy chứng nhận bà Nguyễn Thị L được cấp thì diện tích thửa 542 là 350 m². Như vậy, nếu tính luôn phần diện tích tranh chấp là 50m² thì diện tích của thửa 542 chỉ mới 344 m² (294 m² + 50 m²) vẫn còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L được cấp. Do đó, có căn cứ xác định phần diện tích tranh chấp 50 m² thuộc thửa 542. Quá trình giải quyết đại diện Ủy ban nhân dân huyện V cũng có ý kiến bằng văn bản xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với thửa 542 nêu trên là đúng đối tượng, đúng theo qui định pháp luật. Ông Nguyễn Văn C cho rằng ông nhận chuyển nhượng từ bà H vào năm 1992, bà H thừa nhận việc chuyển nhượng vào năm 1991, khi chuyển nhượng ông C và bà H đều biết việc bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn nhận chuyển nhượng, khi chuyển nhượng đất cũng không đo đạc thực tế, không có sự chứng kiến của bà L hay bà H, hợp đồng chỉ lập bằng giấy tay không ai chứng kiến. Do đó, việc bị đơn nhận chuyển nhượng từ bà H là vi phạm pháp luật, không có căn cứ pháp lý để xem xét. Hơn nữa, ông C còn cho rằng ông đổi đất với bà L, ông lấy chiều ngang 1,6m x dài 22m (mặt tiền giáp Quốc lộ 80) để lấy 1,6m x dài 13m (mặt hậu) với bà L, điều đó cho thấy ông C thừa nhận phần hậu sau nhà ông là đất của bà L. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bị đơn trả lại phần đất là 50 m² loại đất T, thuộc thửa 542 cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về yêu trả giá trị tài sản trên đất khi di dời trả lại đất: Thực tế theo thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm các tài sản trên đất là của ông C được thiết lập từ 1994 đến khi phát sinh tranh chấp. Trên phần đất tranh chấp có một phần căn nhà của ông C, 01 (Một) nhà vệ sinh, 01 (Một) cây nước, lối đi ngang 2,25 m x dài 4,85 m = 10,91 m² là do bà L lán xi măng nên xác định trên phần đất tranh chấp có một phần căn nhà, nhà vệ sinh, cây nước là của ông C. ông C đồng ý di dời tài sản trên đất nhưng yêu cầu nguyên đơn trả lại giá trị tài sản trên đất khi di dời các tài sản trả lại phần đất tổng số tiền là 41.424.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn là chị em ruột đáng lẽ các đương sự nên ngồi lại hòa

giải với nhau. Nguyên đơn cần hiểu rằng những tài sản này là tài sản khi di dời sẽ bị hư hỏng, trong đó có một phần tường nhà của bị đơn khi bị đơn đập phần nhà này giao trả quyền sử dụng đất tranh chấp cho nguyên đơn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu căn nhà. Hơn nữa, phần đất này ông C sử dụng bỏ công tôn tạo, gìn giữ và những tài sản này đã được ông C xây dựng vào năm 1994, khi đó ông xây dựng, sử dụng không có bất kì tranh chấp nào. Bà L cho rằng khi ông C xây dựng nhà ở trên phần đất của bà thì bà có làm đơn khiếu nại và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng đến thời điểm hiện tại bà không có giấy tờ gì chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà có trách nhiệm giao trả phần giá trị tài sản này cho bị đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự: Bà L đã hơn 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; bà L được nhận lại các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại. Căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N cùng có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản, trả lại phần diện tích đất tranh chấp là 50 m² loại đất ONT, thuộc thửa 542, tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000381 cấp ngày 04/12/1995 do bà Nguyễn Thị L đứng tên, cho bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L phải trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N số tiền là 41.424.000 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất ngang 1,6m x dài 22m = 35,5 m².

(Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định ngày 11/5/2018 và ngày 23/5/2019, biên bản định giá ngày 11/5/2018 và ngày 23/5/2019 do Tòa án lập và Bản trích đo địa chính số 119/2018 ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, để xác định phần đất tranh chấp, di dời và giao trả)

3. Về chi phí định giá và lệ phí bản vẽ địa chính: Ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N phải chịu 6.512.000 đồng (Sáu triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) và có trách nhiệm chuyển trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.059.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lại Thị D, anh Nguyễn Lam Tr, anh Nguyễn Minh N liên đới phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo biên lai số 009025 ngày 31/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Cần Thơ, ông C, bà D, anh Tr, anh N không phải nộp thêm án phí.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.071.200 đồng nhưng được miễn nộp. Bà L được nhận lại số tiền 1.725.000 đồng theo biên lai số 009022 ngày 29/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được miễn nộp. Bà L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008322 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận :**

- Đường sự;
- VKSNDTPCT;
- TAND H. V;
- THA DS H. V;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Trương Hoài Bình